

Bản án số: 49/2024/HS-ST

Ngày: 27/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Minh Tạng

Bà Cao Thị Thu Nga

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Đinh Bá Thi – Thư ký Toà án Minh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hoá: Bà Đinh Thị Hoài Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2024/TLST-HS ngày 12/11/2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST- HS, ngày 13/11/2024, đối với bị cáo:

Trần Văn Đ; sinh ngày: 17/12/1987 tại huyện N, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm F, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Phương N, sinh năm: 1954; vợ: Trần Thị L, sinh năm: 1991 và 04 con, đứa lớn nhất sinh năm 2015, đứa nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/09/2024 đến ngày 12/09/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M; có mặt.

- người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH Đ1; địa chỉ trụ sở: tòa nhà K, số G, ngõ C, phố Đ, phường T, quận L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện: Ông Đỗ Thế H; chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: tòa nhà K, số G, ngõ C, phố Đ, phường T, quận L, thành phố Hà Nội; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/9/2024, Trần Văn Đ điều khiển xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 29C-318.59 kéo theo rơ móc biển kiểm soát 29R-014.28 chở hàng dệt may từ Cửa khẩu Quốc tế H1, tỉnh Lạng Sơn nhập cảnh qua nước Lào để giao hàng. Khoảng 16 giờ cùng ngày, sau khi giao hàng tại khu vực thị xã T (Lào) xong, Đ đến quán cơm cách vị trí giao hàng khoảng 600m. Tại đây, Đ gặp một người phụ nữ người Việt Nam tên “G”, “G” thuê Đông vận chuyển 04 (bốn) thùng pháo hoa nổ từ Lào về khu vực đường tránh Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam với số tiền: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Nghe vậy, Đ đồng ý. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Đ điều khiển xe về vị trí đã thỏa thuận với “Giang”, Đ chờ một lúc thì có một người đàn ông người Lào (Đ không rõ họ tên, địa chỉ) điều khiển xe mô tô ba bánh chở 04 (bốn) thùng carton giao cho Đ. Sau khi nhận hàng, Trần Văn Đ mở 04 thùng carton ra kiểm tra, chia nhỏ số pháo hoa nổ và cất giấu tất cả dưới hộc của nắp ca bô xe đầu kéo biển số 29C - 318.59. Sau đó, Đ điều khiển xe về Việt Nam. Đến 07 giờ 35 phút ngày 03/9/2024, Đ điều khiển xe ô tô biển số: 29C- 318.59 kéo theo rơ móc biển số: 29R-014.28 đến Cửa khẩu quốc tế C và làm thủ tục nhập cảnh vào Việt Nam thì bị lực lượng lực lượng Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế C phát hiện, bắt quả tang. Tiến hành niêm phong tang vật theo quy định (mẫu ký hiệu A).

Tại Bản kết luận giám định số 1000/KL-KTHS ngày 12/09/2024 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận:

Mẫu ký hiệu A1 là pháo nổ (loại pháo hoa nổ), khối lượng 31,9 kg (ba mươi một phẩy chín ki lô gam).

Mẫu ký hiệu A2 là pháo nổ (loại pháo hoa nổ), khối lượng 22,8 kg (hai mươi hai phẩy tám ki lô gam).

Mẫu ký hiệu A3 là pháo nổ (loại pháo hoa nổ), khối lượng 30,3 kg (ba mươi phẩy ba ki lô gam).

Mẫu ký hiệu A4 là pháo nổ (loại pháo hoa nổ), khối lượng 14,5 kg (mười bốn phẩy năm ki lô gam).

Mẫu ký hiệu A5 là pháo nổ (loại pháo hoa nổ), khối lượng 13,4 kg (mười ba phẩy bốn ki lô gam).

Tổng khối lượng pháo nổ (loại pháo hoa nổ) là 112,9 kilôgam (một trăm mười hai phẩy chín kilôgam)

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đ không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng giám định.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã tạm giữ:

1. Số pháo sau giám định được niêm phong trong (05) thùng xốp dán kín, niêm phong bằng giấy niêm phong có hình dấu của Phòng K Công an tỉnh Q và chữ ký của những người có liên quan; có tổng khối lượng 107,44kg.

2. Một (01) bao lác màu hồng.

3. Bốn (04) thùng giấy cát tông màu vàng.

4. Một (01) căn cước công dân số 040087023382 mang tên Trần Văn Đ.

5. Một (01) giấy phép lái xe số 400137010071 mang tên Trần Văn Đ.

6. Một (01) hộ chiếu số Q00593251 mang tên Trần Văn Đ.

7. Một (01) điện thoại di động hiệu VIVO màu xanh, đã qua sử dụng không rõ tình trạng bên trong, số IMEI1 865306049215879; IMEI2 865306049215861.

8. Một (01) điện thoại di động hiệu OPPO, đã qua sử dụng không rõ tình trạng bên trong, số IMEI1 868574063324177; IMEI2 868574063324169.

9. Một (01) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 795877 đối với xe đầu kéo BKS 29C- 31859.

10. Một (01) giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơ mi rơ moóc số 009473 đối với rơ moóc BKS 29R-01428.

11. Một (01) giấy phép liên vận giữa Việt Nam và L và 2071.

12. Một (01) xe đầu kéo BKS 29C-31859 kéo rơ moóc BKS 29R-01428, trên rơ moóc có container, đã qua sử dụng, số ký hiệu: MSKU 4513434.

Ngày 25/9/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện M Quyết định xử lý vật chứng số 492/QĐ-ĐCSHS-KTMT trả lại các đồ vật, tài liệu tại mục (9); (10); (11); (12) cho Công ty TNHH Đ1.

Số vật chứng và tài liệu đồ vật còn lại hiện đang bảo quản và được chuyển theo hồ sơ vụ án để giải quyết.

Bản cáo trạng số: 49/CT-VKSMH ngày 11/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hoá quyết định truy tố bị cáo Trần Văn Đ về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm g, k khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Áp dụng điểm g, k khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đ từ 24 tháng tù đến 36 tháng tù.

Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: Số pháo sau giám định được niêm phong trong (05) thùng xốp dán kín, niêm phong bằng giấy niêm phong có hình dấu của Phòng K Công an tỉnh Q và chữ ký của những người có liên quan; có tổng khối lượng 107,44kg; Một (01) bao lác màu hồng; Bốn (04) thùng giấy cát tông màu vàng. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho Trần Văn Đ: Một (01) căn cước công dân số 040087023382 mang tên Trần Văn Đ; Một (01) giấy phép lái xe số 400137010071 mang tên Trần Văn Đ; Một (01) hộ chiếu số Q00593251 mang tên Trần Văn Đ; Một (01) điện thoại di động hiệu VIVO màu xanh, đã qua sử dụng số IMEI1 865306049215879; IMEI2 865306049215861; Một (01) điện thoại di động hiệu OPPO, đã qua sử dụng số IMEI1 868574063324177; 868574063324169 và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Đ không có ý kiến gì quyết định truy tố VKSND huyện Minh Hóa và bản luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo Đ khai nhận hành vi vận chuyển hàng cấm của mình.

- Bị cáo Đ trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là sai trái, bị cáo cực kỳ hối hận về hành vi của mình, gia đình bị cáo đông con và đang có con nhỏ, mong Hội đồng xét xử cho bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về nhà để được chăm sóc vợ và các con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện M, Viện kiểm sát huyện M, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào lúc 07 giờ 35 ngày 03/09/2024, tại luồng nhập cảnh cửa khẩu quốc tế C thuộc xã D, huyện M, tỉnh Quảng Bình, Trần Văn Đ đã có hành vi vận chuyển trái phép 112,9 kilôgam pháo nổ (loại pháo hoa nổ) từ Lào về Việt Nam thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ.

Theo quy định tại điểm g, k khoản 2 Điều 191 của Bộ luật hình sự thì “2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:*

...

g) P nổ từ 40 kilôgam đến dưới 120 kilôgam;

k) Vận chuyển qua biên giới, trừ hàng hóa là thuốc lá điều nhập lậu...”

Như vậy hành vi vận chuyển pháo nổ của bị cáo Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm g, k khoản 2 Điều 191 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội đó phù hợp với các tài liệu, chứng cứ, vật chứng đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm g, k khoản 2 Điều 191 của Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa truy tố bị cáo Đ về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm g, k khoản 2 Điều 191 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ đối với các loại hàng hóa mà Nhà nước cấm tàng trữ, lưu thông. Bị cáo nhận thức được hành vi vận chuyển hàng cấm là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích lợi nhuận đã cố ý phạm tội. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[4.2] Tình tiết tăng nặng: Không.

[4.3] Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Đ tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bố mẹ của Trần Văn Đ là người có công với cách mạng được hưởng chế độ trợ cấp của Thủ tướng Chính phủ là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần cho bị cáo được hưởng.

[5] Hình phạt chính: Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy bị cáo Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đã bị cơ quan chức năng ngăn chặn kịp thời nên cho bị cáo một mức hình phạt thấp nhất và cũng cần phải cách ly bị cáo Đ ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 191 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội có thể bị phạt tiền. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là lao động tự do đang nuôi 04 con nhỏ vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án: Việc trả lại vật chứng ngày 25/9/2024 của cơ quan CSĐT công an huyện M là đúng quy định của pháp luật. Đối với các vật chứng chuyển theo hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: Số pháo sau giám định được niêm phong trong (05) thùng xốp dán kín, niêm phong bằng giấy niêm phong có hình dấu của Phòng K Công an tỉnh Q và chữ ký của những người có liên quan; có tổng khối lượng 107,44kg; Một (01) bao lác màu hồng; Bốn (04) thùng giấy cát tông màu vàng.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho Trần Văn Đ: một (01) căn cước công dân số 040087023382 mang tên Trần Văn Đ, Một (01) giấy phép lái xe số 400137010071 mang tên Trần Văn Đ; Một (01) hộ chiếu số Q00593251 mang tên Trần Văn Đ; Một (01) điện thoại di động hiệu VIVO màu xanh, đã qua sử dụng số IMEI1 865306049215879; IMEI2 865306049215861; Một (01) điện thoại di động hiệu OPPO, đã qua sử dụng số IMEI1 868574063324177; 868574063324169.

[8] Về án phí: Bị cáo Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử chấp nhận về mức hình phạt, đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

[10] Trong vụ án này còn có người phụ nữ tên “G” đã thuê Đ vận chuyển pháo hoa nổ từ Lào về Việt Nam. Tuy nhiên, Đ không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, Cơ quan điều tra Công an huyện M đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không xác định được người phụ nữ tên G.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội: “Vận chuyển hàng cấm”.

Áp dụng điểm g, k khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/09/2024.

Quyết định tạm giam bị cáo Trần Văn Đ 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: Số pháo sau giám định được niêm phong trong (05) thùng xốp dán kín, niêm phong bằng giấy niêm phong có hình dấu của Phòng K Công an tỉnh Q và chữ ký của những người có liên quan; có tổng khối lượng 107,44kg. Giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Q tiêu hủy theo thẩm quyền (số vật chứng trên đã được chuyển và bảo quản tại K1, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Q theo biên bản giao nhận ngày 12/9/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện M và kho K6/Phòng Hậu cần – Kỹ thuật, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Q).

Tịch thu tiêu hủy: Một (01) bao lác màu hồng; Bốn (04) thùng giấy cát tông màu vàng.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho Trần Văn Đ: Một (01) căn cước công dân số 040087023382 mang tên Trần Văn Đ, một (01) giấy phép lái xe số 400137010071 mang tên Trần Văn Đ; Một (01) hộ chiếu số Q00593251 mang tên Trần Văn Đ; Một (01) điện thoại di động hiệu VIVO màu xanh, đã qua sử dụng số IMEI1 865306049215879; IMEI2 865306049215861; Một (01)

điện thoại di động hiệu OPPO, đã qua sử dụng số IMEI1 868574063324177; 868574063324169 (số vật chứng trên đã được chuyển giao và hiện đang bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa theo biên bản giao, nhận hồ sơ vật chứng ngày 19/11/2024 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Văn Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/11/2024). Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

5. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- CQCSĐT Công an huyện Minh Hoá;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh

